TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-01-2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngô Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trương

2. Ông Võ Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Mộng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 218/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2022/QĐST - HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Bé H, sinh năm 1987 (có mặt)

Trú tại: ấp Đ, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn T, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Trú tại: ấp Đ, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn chị Lê Thị Bé H trình bày: Chị và anh Nguyễn T chung sống vào năm 2007, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, do thường hay bất đồng quan điểm, không có cuộc sống vợ chồng đúng nghĩa. Vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2019. Do không còn tình cảm chị H yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn N, sinh ngày 11/6/2015, Nguyễn G, sinh ngày 23/9/2007, các cháu đang sống với anh T. Chị H để anh T tiếp tục nuôi con, chị H đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có

Tại biên bản ghi lời khai ngày 16/12/2022 bị đơn anh Nguyễn T trình bày: Anh và chị Lê Thị Bé H chung sống và có đăng ký kết hôn năm 2007. Quá trình sống chung vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, do chị H quen với người đàn ông khác. Anh T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn N, sinh ngày 11/6/2015, Nguyễn G, sinh ngày 23/9/2007, các cháu đang sống với anh H. Anh T yêu cầu tiếp tục nuôi con, yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bé H và anh Nguyễn T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn theo quy định vào năm 2007, nên được coi là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của chị H thì thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Do thường xuyên bất hòa, không thể hàn gắn, đời sống vợ chồng không có hạnh phúc. Anh T thì cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì, do chị H có quen với người đàn ông khác, anh T đồng ý ly hôn. Do chị H, anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên anh chị thuận tình ly hôn là có cơ sở để chấp nhận.

[2] Về con chung: Quá trình sống chung chị H và anh T có 02 người con chung đều dưới 18 tuổi và đang sống chung với anh T. Cháu Nguyễn N, sinh ngày 11/6/2015, Nguyễn G, sinh ngày 23/9/2007, có nguyện vọng sống chung với anh T. Qua xác minh tại địa phương anh T có điều kiện để nuôi con. Do tôn trọng ý kiến của con chung chưa thành niên và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, nên Hội đồng xét xử giao con chung cho anh T nuôi dưỡng. Anh T có yêu cầu cấp dưỡng

nuôi con theo quy định, chị H đồng ý cấp dưỡng theo quy định. Vì vậy, buộc chị H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng cho 01 người con tương đương ½ tháng lương cơ sở là 745.000 đồng.

[3] Về tài sản chung và nợ chung chị H, anh T khai không có nên không đặt ra giải quyết.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Bé H chịu 300.000 đồng.

[5] Án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Bé H chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 55 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bé H và anh Nguyễn T được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn N, sinh ngày 11/6/2015, Nguyễn G, sinh ngày 23/9/2007 cho anh Nguyễn T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu N, cháu G tròn 18 tuổi.

Buộc chị Lê Thị Bé H phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn N, sinh ngày 11/6/2015, Nguyễn G, sinh ngày 23/9/2007 mỗi tháng cho một người con là 745.000 đồng, đến khi cháu N, cháu G tròn 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung chị H, anh T khai không có nên không đặt ra giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Bé H phải chịu là 300.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã đóng theo biên lai số 0010652 ngày 07 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị H đã đóng xong án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Bé H phải chịu 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Ngô Huỳnh

Nơi nhận:
- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
UBND xã Đ ,
h. Châu Thành, t. Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.